

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2023/HS-ST

Ngày: 25-9-2023.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thượng Văn Kính.

2. Ông Thái Bình Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 200/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2023/QĐXXST-HS ngày 14/9/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Văn H, sinh ngày 24/10/1994; tại: Bến Tre. Nơi ĐKKHKT: Ấp P, xã TP, huyện TP1, tỉnh Bến Tre; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án (02): Ngày 19/8/2016, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 225/2016/HSST; Ngày 28/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 225/2016/HSST ngày 19/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, theo bản án hình sự sơ thẩm số 145/2018/HS-ST; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/7/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: khu phố X, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Hoàng Chí T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Số X1, Khu X2, phường PH, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn N là chủ quán cà phê 8xx, địa chỉ tại khu phố X, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 08/07/2023, trong lúc đang ngủ tại quán cà phê 8xx, ông N nghe có tiếng động lạ nên giật mình thức dậy và mở camera an ninh để kiểm tra thì phát hiện Đặng Văn H đang đi lòng vòng ở khu vực bếp, bên trong quán cà phê 8xx. Lúc này, ông N đi xuống khu vực bếp và thấy H đang núp ở phía sau bếp nên đưa H đến trụ sở Công an phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương để trình báo vụ việc. Tại đây, H xin đầu thú và khai nhận như sau: Bản thân H là đối tượng sống lang thang, không có nghề nghiệp ổn định và có 02 tiền án về các tội cướp tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Vào khoảng 01 giờ ngày 01/7/2023, H đi bộ đến địa bàn phường C, thành phố M nhằm tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi đến quán cà phê 8xx, H thấy bên trong không có người trông coi nên H lén lút leo rào, đột nhập vào bên trong quán và đi tới quầy pha chế lấy trộm được số tiền 500.000^d (năm trăm nghìn đồng) rồi bỏ đi khỏi hiện trường. Do đã tiêu xài hết số tiền trên nên đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/7/2023, H tiếp tục đột nhập vào bên trong quán cà phê 8xx và lén lút lấy trộm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu trắng, có gắn ốp lưng bằng nhựa trong, bên trong vỏ ốp lưng có kẹp 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000^d (một trăm nghìn đồng), để trên giường ngủ của ông N. Sau khi lấy trộm được điện thoại, H bỏ đi khỏi hiện trường, tháo bỏ ốp lưng điện thoại và lấy số tiền 100.000^d (một trăm nghìn đồng) rồi tiêu xài hết. Cùng ngày 03/7/2023, H đi bộ đến tiệm điện thoại tên HT, địa chỉ tại phường PH, thành phố M, tỉnh Bình Dương để bán chiếc điện thoại trộm được cho anh Hoàng Chí T với giá 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng) và tiêu xài hết. Tiếp đó, do không còn tiền tiêu xài nên ngày 08/7/2023, H đột nhập vào quán cà phê 8xx nhằm mục đích tìm tài sản để lấy trộm nhưng H chưa lấy được gì thì bị phát hiện như trên.

Cùng ngày 08/7/2023, Công an phường C mời anh Hoàng Chí T đến trụ sở Công an phường C, thành phố M để làm việc. Qua làm việc, ông T xác nhận vào ngày 03/7/2023, H đi bộ đến tiệm điện thoại của ông T để bán 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu trắng với giá 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng); đồng thời, ông T tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại nêu trên cho Công an phường C để xử lý theo quy định pháp luật và không có yêu cầu gì khác. Cùng ngày 08/7/2023, Công an phường C chuyển hồ sơ vụ việc cùng đối tượng H và vật chứng đã thu giữ được cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Qua làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, ông Nguyễn Văn N xác định đã bị mất trộm số tiền 500.000^d (năm trăm nghìn đồng) vào ngày 01/7/2023 và bị mất trộm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu trắng, có gắn ốp lưng bằng nhựa trong, bên trong vỏ ốp lưng có một tờ tiền mệnh giá 100.000^d (một trăm nghìn đồng) vào ngày 03/7/2023; đồng thời, ông N xác nhận Đặng Văn H là đối tượng thường xuyên đến uống nước ở quán cà phê 8xx.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 217 ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu trắng bị chiếm đoạt vào ngày 03/7/2023, có trị giá là: 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong bị chiếm đoạt vào ngày 03/7/2023 (không thu hồi được), có trị giá là: 30.000^d (ba mươi nghìn đồng).

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu trắng: Qua xác minh và điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xác định là tài sản thuộc sở hữu của bị hại Nguyễn Văn N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công

an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại cho ông N theo Quyết định xử lý vật chứng số 77 ngày 17/7/2023. Hiện tại, ông N không có yêu cầu gì khác.

Đối với Hoàng Chí T, do quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xác định ông T không biết 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, màu trắng mà ông T mua lại từ bị cáo H vào 08/7/2023 là tài sản do H trộm cắp của người khác mà có nên không có cơ sở để xử lý đối với ông T.

Cáo trạng số 189/CT-VKSTDM ngày 13/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Đặng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Văn H mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đồng thời không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 01 và 03/7/2023 Đặng Văn H có hành vi lén lút lấy trộm của bị hại Nguyễn Văn N số tiền 500.000 đồng (ngày 01/7/2023) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A12, có gắn ốp lưng bằng nhựa, bên trong vỏ ốp lưng có kẹp 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (tổng giá trị là 2.630.000 đồng vào ngày 03/7/2023). Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật,

thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản vào các ngày 01, 03/7/2023 đồng thời bản thân đã từng bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo đã phạm vào tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm” được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; tài sản bị chiếm đoạt được thu hồi một phần để hoàn trả cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra cũng như nhân thân của bị cáo, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về biện pháp tư pháp: Không có.

5. Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo